

BẢN TIN TUẦN

“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”

(Tuần 18: 03/5/2023 đến 09/5/2023)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần 18 từ ngày 03/5/2023 đến ngày 09/5/2023

1. Vị trí giám sát

Thực hiện quan trắc chất lượng nước tại 23 vị trí khảo sát chất lượng nước theo đề cương được duyệt, bao gồm 10 vị trí trên trục chính sông Nhuệ cùng 13 vị trí là các kênh trục chính, kênh tiêu và các điểm xả ô nhiễm nghiêm trọng vào hệ thống. Mô tả tổng quan 23 vị trí quan trắc như sau:

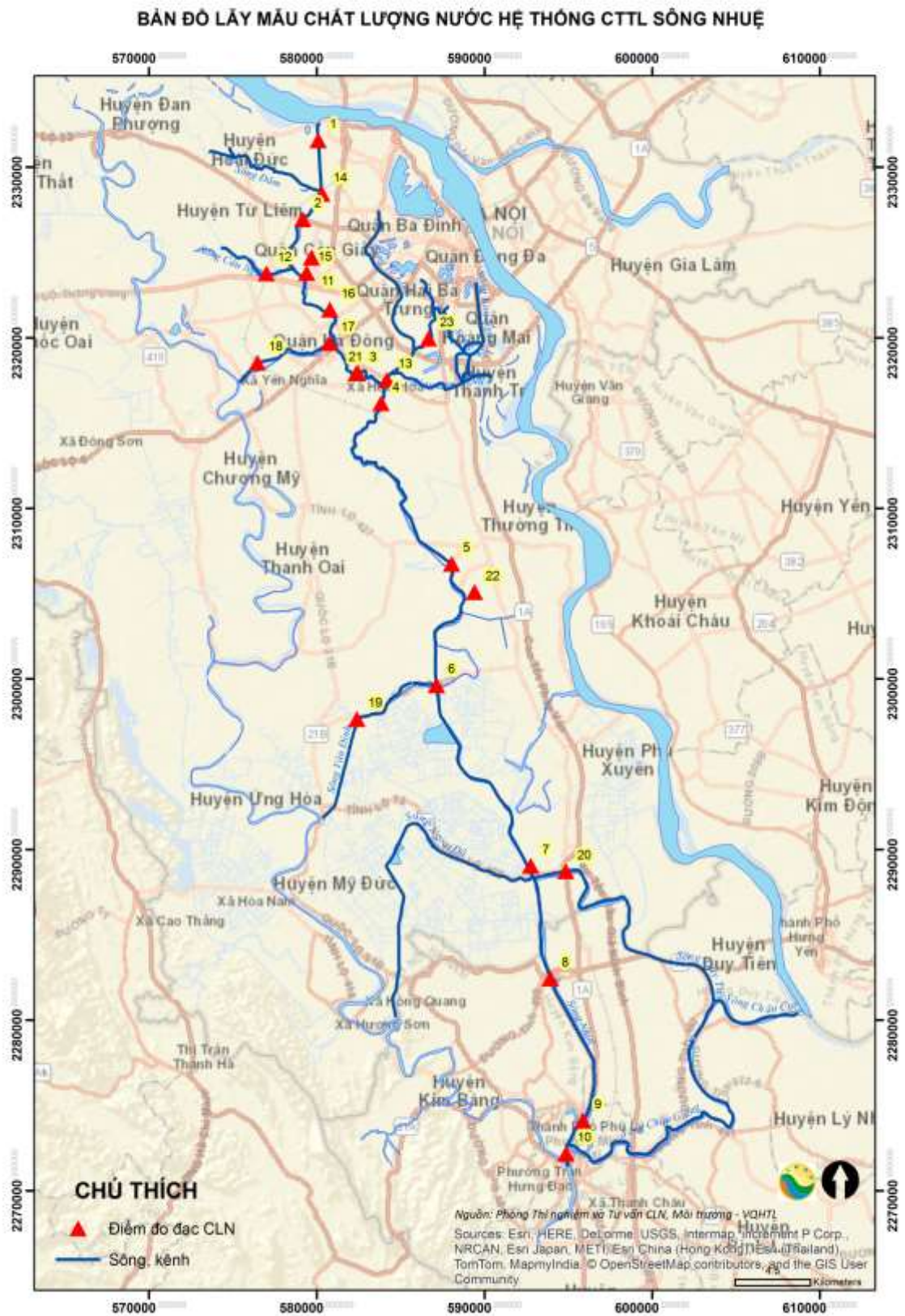
Bảng 1: MÔ TẢ TỔNG QUAN 23 VỊ TRÍ QUAN TRẮC

TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	MÔ TẢ
I	Trục chính sông Nhuệ	
1	Cống Liên Mạc	Là vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ, nằm ở quận Bắc Từ Liêm. Gồm 2 cống điều tiết Liên Mạc 1, và Liên Mạc 2. Cống Liên Mạc 1 thường mở thông, Liên Mạc 2 vận hành đóng mở theo mực nước ngoài sông Hồng để lấy nước vào trong hệ thống.
2	Cầu Diễn	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm giao cắt của QL32 qua sông Nhuệ phân chia ranh giới 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm. Dòng chính sông Nhuệ tại vị trí này đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La vào.
3	Đập Hà Đông	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập, nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc khu vực quận Hà Đông. Tại vị trí này dòng chính sông Nhuệ đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.
4	Cầu Tó	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Dòng chính sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.

5	Cầu Xém	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thường Tín. Dòng chính sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.
6	Đập Đồng Quan	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu Đập thuộc địa phận huyện Phú Xuyên. Dòng chính sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.
7	Cầu Thần	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm ngăn cách giữa 2 huyện Phú Xuyên và Ứng Hòa. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.
8	Đập Nhật Tựu	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
9	Cống Lương Cỗ	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
10	Cầu Phù Vân	Là điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.
II Điểm ô nhiễm nghiêm trọng, kênh trục chính và kênh tiêu		
11	Sông Đăm	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Vị trí đo đạc nằm ở hạ lưu sông Đăm, trước khi nhập vào sông Nhuệ, tại vị trí này sẽ khống chế toàn bộ lượng nước thải từ các hoạt động nông nghiệp, sản xuất của khu vực huyện Đan Phượng và một phần quận Bắc Từ Liêm.
12	Sông Cầu Ngà	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Nam Từ Liêm. Một phần diện tích tưới của huyện Hoài Đức lấy nước từ sông Cầu Ngà tuy nhiên hiện nay chất lượng nước sông bị ô nhiễm nặng nề, không đủ điều kiện cấp nước cho tưới.
13	Đập Thanh Liệt	Vị trí lấy mẫu nằm ở thượng lưu đập, khống chế toàn bộ nước thải từ nội thành Hà Nội qua sông Tô Lịch đổ vào sông Nhuệ. Những năm gần đây đập Thanh Liệt thường mở vào mùa mưa để tiêu nước từ nội thành ra sông Nhuệ, mùa khô đập Thanh Liệt thường đóng, nước sông Tô Lịch đưa về NMN Yên Sở để xử lý.
14	Kênh Xuân La	Vị trí lấy mẫu ở hạ lưu kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Kênh Xuân La bị ô nhiễm nặng do tiếp nhận toàn bộ nước thải từ quận Tây Hồ, Bắc Từ Liêm và 1 phần quận Cầu Giấy.
15	Kênh Phú Đô	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.

16	Kênh tiêu Trung Vãn	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Vãn, Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.
17	Cầu Am	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.
18	Kênh La Khê	Vị trí đo đạc tại cầu La Khê trên kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn sau khi đã tiếp nhận nước thải sinh hoạt, nước thải nông nghiệp và nước thải một số làng nghề trong đó có nước thải dệt nhuộm từ làng nghề lụa Vạn Phúc.
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy. Các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa lấy nước từ kênh Vân Đình để tưới. Vị trí lấy mẫu tại cầu Bàu trên kênh Vân Đình chịu ảnh hưởng của nước thải làng nghề mây tre đan quanh khu vực.
20	Kênh Duy Tiên	Vị trí đo đạc tại cầu Giẽ trên kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.
21	Kênh Yên Xá	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ. Nước thải từ quận Thanh Xuân, một phần huyện Thanh Trì và các bệnh viện lớn như bệnh viện 103, Viện Bỏng Quốc Gia, Viện K Tân Triều đổ vào kênh Yên Xá.
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Là một nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.
23	Kênh Hòa Bình	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ, do kênh Hòa Bình chịu ảnh hưởng của chất lượng nước sông Tô Lịch và nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của các khu dân cư xung quanh hai bên bờ kênh, đặc biệt là nước thải từ khu nghĩa trang Văn Điển.

Hình 1: BẢN ĐỒ LẤY MẪU CLN HỆ THỐNG CTTL SÔNG NHUỆ NĂM 2023



2. Thông tin lúc lấy mẫu

Bảng 2: TỔNG HỢP THÔNG TIN QUAN TRẮC

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	NM1	Cống Liên Mạc	Trời mát, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xanh.	Không có dòng chảy. Cổng Liên Mạc 1 mở thông, cống Liên Mạc 2 đóng. Mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu.	Trong tuần từ 03/5/2023 đến 09/5/2023 trong HTCTTL Sông Nhuệ không lấy nước; hệ thống chủ yếu sử dụng nước nội tại và nước mưa. Trục chính sông Nhuệ nhận được tiêu từ nội đồng do mưa tiêu ra.
2	NM 2	Cầu Diễn	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xanh đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Hai bên bờ sông có nhiều rác thải.	
3	NM 3	Đập Hà Đông	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Trên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình, đập mở thông.	
4	NM 4	Cầu Tó	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Hai bên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình.	
5	NM 5	Cầu Xém	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Hai bên bờ sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình.	
6	NM 6	Đập Đồng Quan	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 97%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Nước dòng chính sông Nhuệ màu đen, mùi hôi thối.	Đập mở thông. Nước từ kênh Vân Đình chảy ra sông Nhuệ, phân thành 2 màu rõ rệt (đen – nâu đục). Mực nước trung bình.	
7	NM 7	Cầu Thần	Trời hửng nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 99%, gió ĐN 17 km/h. Trên sông nhiều bè và rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy nhanh về hạ lưu. Mực nước trung bình.	
8	NM 8	Đập Nhật	Trời hửng nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, mật độ	Dòng chảy nhanh về hạ lưu. Đập mở, mực nước	

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
		Tụ	mây 99%, gió ĐN 17 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	trung bình.	
9	NM 9	Công Lương Cỏ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 99%, gió ĐN 17 km/h. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	Dòng chảy nhanh về hạ lưu. Cổng mở thông.	
10	NM 10	Cầu Phù Vân	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 99%, gió ĐN 17 km/h. Nước màu xanh đen. Thượng lưu cầu đôn ứ nhiều bèo.	Dòng chảy nhanh ra nhập lưu sông Đáy, mực nước trung bình. Cổng Phủ Lý mở tiêu nước từ sông Châu Giang ra sông Nhuệ.	
11	NM 11	Sông Đăm	Trời mát, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình.	
12	NM 12	Sông Cầu Ngà	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xanh đen. Mực nước thấp.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ.	
13	NM 13	Đập Thanh Liệt	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Đập mở thông, Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình.	
14	NM 14	Kênh Xuân La	Trời mát, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu vàng xanh, ngoài sông Nhuệ nước màu xanh đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Mực nước trung bình. Cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ, trạm bơm không hoạt động.	
15	NM 15	Kênh Phú Đô	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xám đen.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ, trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình.	
16	NM 16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xám đen.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Cổng mở hé tiêu nước ra sông Nhuệ, trạm bơm không hoạt	

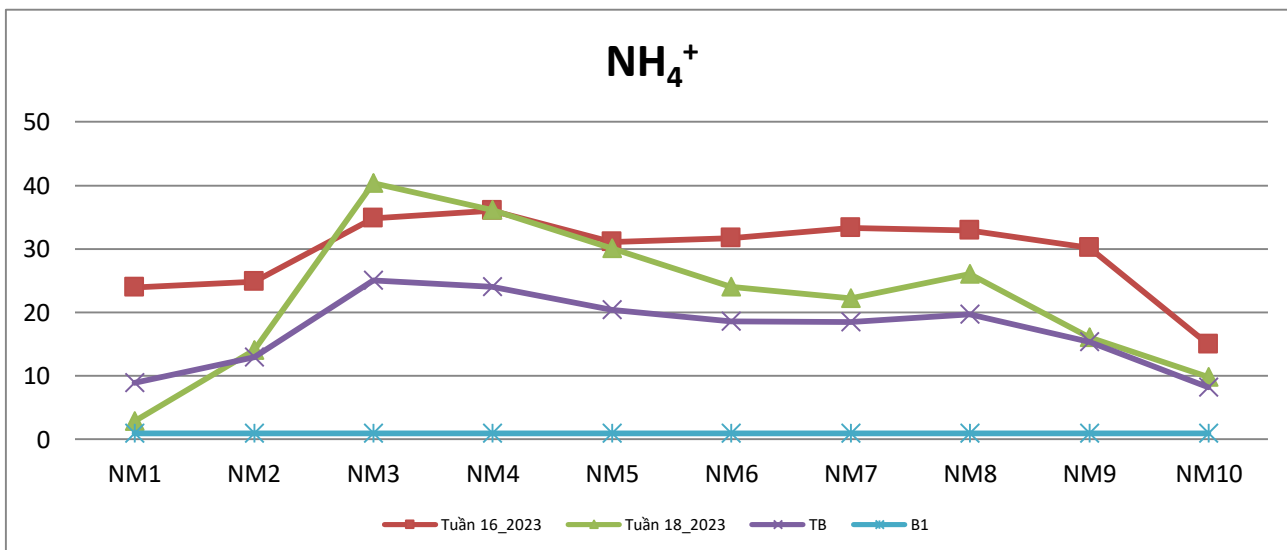
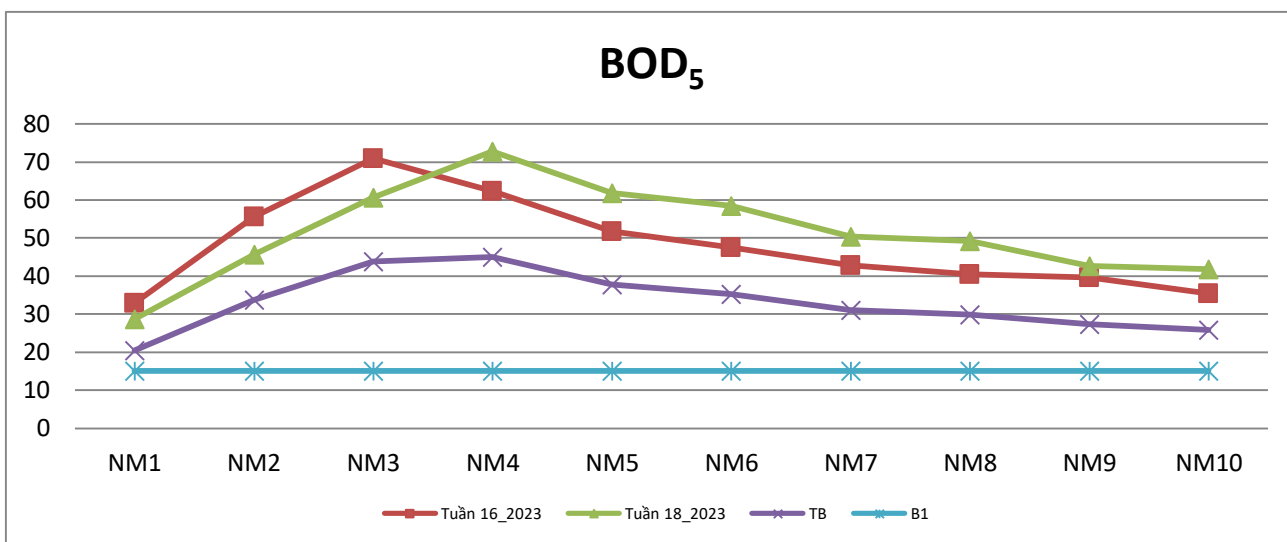
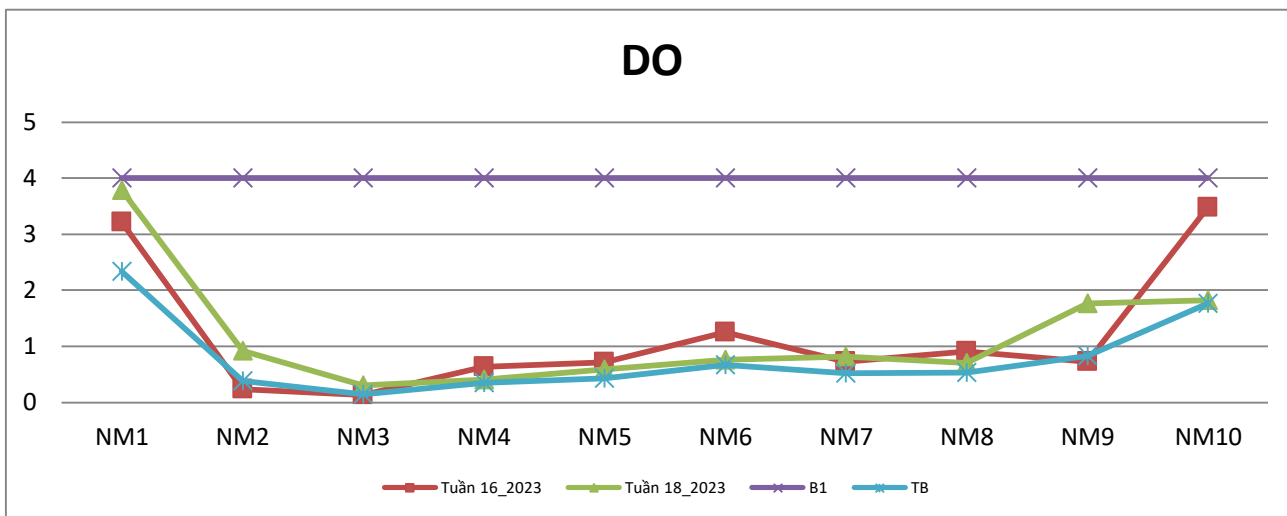
STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
				động.	
17	NM 17	Cầu Am	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Nước màu vàng lục, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Khu vực lấy mẫu đang kè và làm cầu phía hạ lưu, dưới kênh có nhiều rác thải.	
18	NM 18	Kênh La Khê	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%, gió ĐN 11 km/h. Mực nước trung bình. Nước màu xám đen.	Dòng chảy rất chậm về hướng công Yên Nghĩa.	
19	NM 19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 98%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm về hướng sông Nhuệ. Mực nước trung bình.	
20	NM 20	Kênh Duy Tiên	Trời hửng nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 99%, gió ĐN 17 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy rất chậm từ sông Nhuệ vào. Mực nước trung bình.	
21	NM 21	Kênh Yên Xá	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Nước màu xám đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, cống mở. Mực nước thấp.	
22	NM 22	Sông Tô Lịch tại Khánh Hà	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Dưới kênh có nhiều rác.	
23	NM 23	Kênh Hòa Bình	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trung bình.	

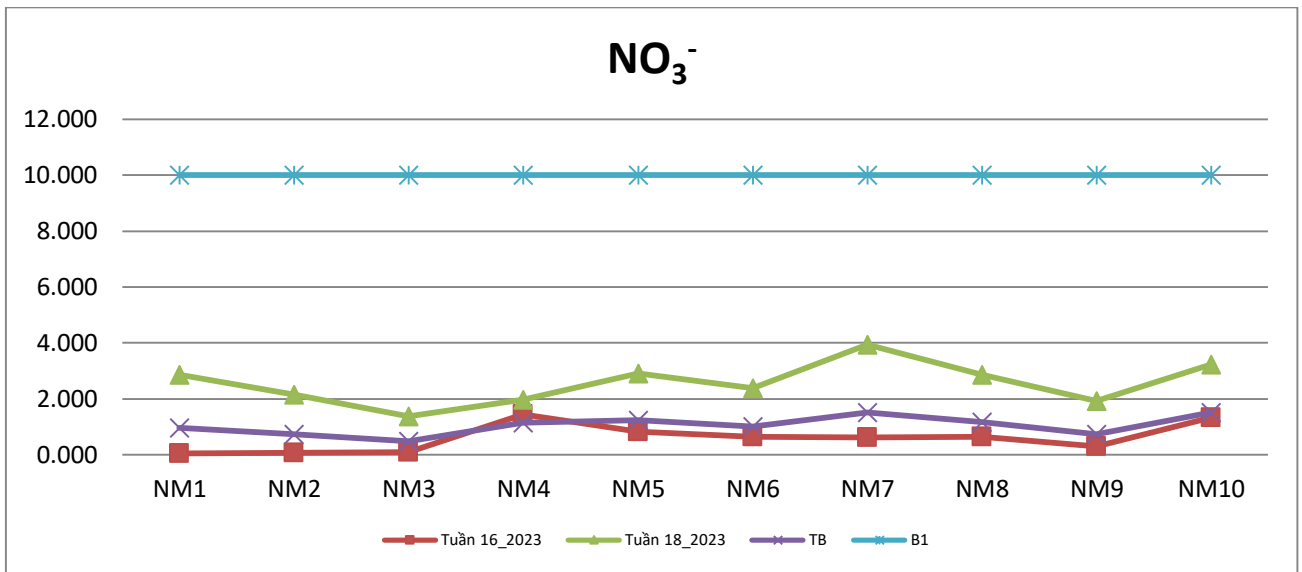
3. Kết quả đo đạc

Giá trị các thông số DO, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ giữa Tuần 18 năm 2023 và đợt trước (Tuần 16 năm 2023) cho thấy:

Hàm lượng DO Tuần 18 năm 2023 từ Liên Mạc tới Hà Đông cao hơn đợt trước. Từ Hà Đông tới hạ lưu hàm lượng DO thấp hơn đợt trước do đợt này đập Nhật Tựu mở tiêu nước từ thượng lưu về hạ lưu. Mặt khác dưới hạ lưu cống Phủ Lý mở tiêu nước từ sông Châu Giang ra sông Nhuệ. Hàm lượng BOD₅ ngược lại với hàm lượng DO.

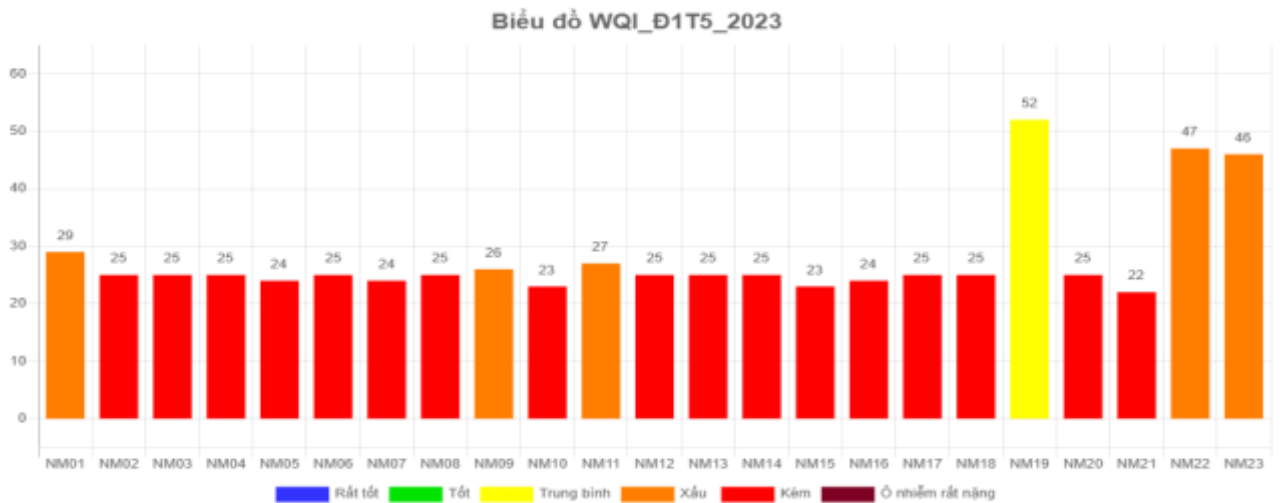
Hàm lượng NH_4^+ đoạn thượng lưu thấp hơn đợt trước nhưng hạ lưu lại cao hơn. Hàm lượng NO_3^- cao hơn đợt trước.





4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Kết quả tính toán WQI Tuần 18 năm 2023 tại 23 vị trí khảo sát trong HTCTTL Sông Nhuệ dao động trong khoảng 22 ÷ 52 cho thấy có 17 vị trí chất lượng nước thuộc loại V (kém) – nước bị ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai và không đủ tiêu chuẩn cấp nước cho tưới. Có 5 vị trí nước thuộc loại IV (xấu) – nước phục vụ giao thông thủy. Chỉ có 1 vị trí tại kênh Vân Đình chất lượng nước thuộc loại III (vàng) – nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

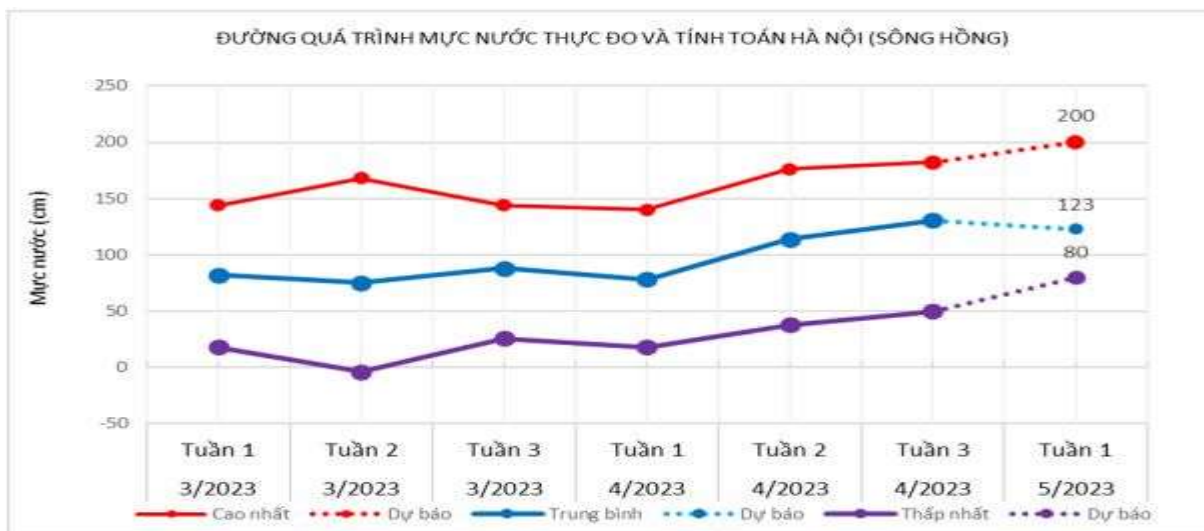


II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 03/5/2023 đến ngày 09/5/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

- Diễn biến tình hình thủy văn đã qua: Trong 10 ngày qua, mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng tại Hà Nội, trên sông Hoàng Long tại Bến Đẽ và hạ lưu sông Thái Bình đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

- Dự báo, cảnh báo trong 10 ngày tới: mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng, sông Hoàng Long và hạ lưu sông Thái Bình sẽ tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Bảng 5: SỐ LIỆU DỰ BÁO CLN TUẦN 18 NĂM 2023 HTCTTL SÔNG NHUỆ

Vị trí	Thực đo	DO							B1-QCVN 08-2015	Đánh giá
		Tuần dự báo								
		03/5	04/5	05/5	06/5	07/5	08/5	09/5		
Cống Liên Mạc	3.78	0.98	1.02	1.06	1.09	1.12	1.15	1.18	4	G
Cầu Diễn	0.92	1.04	1.05	1.05	1.05	1.05	1.05	1.05	4	T
Đập Hà Đông	0.3	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	4	T
Cầu Tố	0.41	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	4	T
Cầu Xém	0.59	0.41	0.41	0.41	0.42	0.42	0.42	0.42	4	G
Đập Đồng Quan	0.76	1.39	1.44	1.46	1.46	1.47	1.47	1.47	4	T
Cầu Thần	0.82	0.45	0.41	0.38	0.37	0.36	0.35	0.35	4	G
Đập Nhật Tựu	0.7	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04	4	T
Cống Lương Cỗ	1.76	3.49	3.49	3.49	3.49	3.49	3.49	3.49	4	T
Cầu Phù Vân	1.82	3.48	3.48	3.48	3.48	3.48	3.48	3.48	4	T
Sông Đám	2.07	1.46	1.46	1.46	1.46	1.46	1.46	1.46	4	G
Sông Cầu Ngà	0.59	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19	4	G
Đập Thanh Liệt	0.41	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	4	G
Kênh Xuân La	0.79	1.86	1.86	1.86	1.86	1.86	1.86	1.86	4	T
Kênh Phú Đô	0.4	0.83	0.83	0.83	0.83	0.83	0.83	0.83	4	T
Kênh Trung Vãn	0.59	0.70	0.70	0.70	0.70	0.70	0.70	0.70	4	T
Cầu Am	0.79	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	4	G
Kênh La Khê	1.76	0.61	0.61	0.61	0.61	0.61	0.61	0.61	4	G
Kênh Vân Đình	5.96	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4	G

Kênh Duy Tiên	1.06	0.89	0.89	0.89	0.89	0.89	0.89	0.89	4	G
Kênh Yên Xá	0.91	0.96	0.96	0.96	0.96	0.96	0.96	0.96	4	T
Sông Tô Lịch	4.56	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4	G
Kênh Hòa Bình	4.39	3.74	3.74	3.74	3.74	3.74	3.74	3.74	4	G
BOD₅									B1- QCVN 08- 2015	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		03/5	04/5	05/5	06/5	07/5	08/5	09/5		
Cống Liên Mạc	28.7	47.76	48.07	48.36	48.63	48.88	49.12	49.34	15	T
Cầu Diễn	45.7	45.98	45.95	45.96	45.97	45.97	45.97	45.97	15	T
Đập Hà Đông	60.7	55.59	55.56	55.57	55.57	55.57	55.57	55.57	15	G
Cầu Tó	72.8	58.91	58.89	58.89	58.89	58.89	58.89	58.89	15	G
Cầu Xém	61.9	59.01	59.01	58.99	58.99	59.00	59.00	59.00	15	G
Cầu Thần	58.5	52.95	52.76	52.02	51.77	51.49	51.40	51.34	15	G
Đập Đồng Quan	50.5	55.78	57.04	58.52	59.01	59.38	59.69	59.79	15	T
Đập Nhật Tựu	49.3	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	15	G
Cống Lương Cỗ	42.7	21.71	21.71	21.71	21.71	21.71	21.71	21.71	15	G
Cầu Phù Vân	41.8	21.80	21.80	21.80	21.80	21.80	21.80	21.80	15	G
Sông Đám	28.7	38.70	38.70	38.70	38.70	38.70	38.70	38.70	15	T
Sông Cầu Ngà	50.9	49.50	49.50	49.50	49.50	49.50	49.50	49.50	15	G
Đập Thanh Liệt	67.4	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	15	G
Kênh Xuân La	63.8	65.90	65.90	65.90	65.90	65.90	65.90	65.90	15	T
Kênh Phú Đô	67.8	65.80	65.80	65.80	65.80	65.80	65.80	65.80	15	G
Kênh Trung Văn	60.9	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	15	T
Cầu Am	55.8	67.20	67.20	67.20	67.20	67.20	67.20	67.20	15	T
Kênh La Khê	71.8	70.60	70.60	70.60	70.60	70.60	70.60	70.60	15	G
Kênh Vân Đình	22.8	32.70	32.70	32.70	32.70	32.70	32.70	32.70	15	T
Kênh Duy Tiên	48.8	27.20	27.20	27.20	27.20	27.20	27.20	27.20	15	G
Kênh Yên Xá	60.5	60.90	60.90	60.90	60.90	60.90	60.90	60.90	15	T
Sông Tô Lịch	25.3	21.90	21.90	21.90	21.90	21.90	21.90	21.90	15	G
Kênh Hòa Bình	25.8	25.70	25.70	25.70	25.70	25.70	25.70	25.70	15	G
NH₄⁺									B1- QCVN 08- 2015	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		03/5	04/5	05/5	06/5	07/5	08/5	09/5		
Cống Liên Mạc	2.797	12.75	14.92	16.94	18.82	20.58	22.22	23.76	0.9	T
Cầu Diễn	14.064	39.14	38.98	38.97	38.97	38.97	38.97	38.97	0.9	T
Đập Hà Đông	40.326	49.37	49.27	49.26	49.26	49.26	49.26	49.26	0.9	T
Cầu Tó	36.131	52.28	52.24	52.21	52.21	52.21	52.21	52.21	0.9	T
Cầu Xém	30.070	51.85	51.94	51.97	52.02	52.08	52.14	52.20	0.9	T
Đập Đồng Quan	24.009	45.17	42.28	39.89	40.44	39.38	39.57	39.43	0.9	T
Cầu Thần	22.222	48.26	45.92	50.35	49.91	51.44	54.04	54.96	0.9	T
Đập Nhật Tựu	26.030	0.63	0.63	0.63	0.63	0.63	0.63	0.63	0.9	G
Cống Lương Cỗ	16.006	19.11	19.11	19.11	19.11	19.11	19.11	19.11	0.9	T

Cầu Phù Vân	9.790	19.20	19.20	19.20	19.20	19.20	19.20	19.20	19.20	0.9	T
Sông Đăm	13.598	30.80	30.80	30.80	30.80	30.80	30.80	30.80	30.80	0.9	T
Sông Cầu Ngà	16.706	21.60	21.60	21.60	21.60	21.60	21.60	21.60	21.60	0.9	T
Đập Thanh Liệt	24.786	56.00	56.00	56.00	56.00	56.00	56.00	56.00	56.00	0.9	T
Kênh Xuân La	28.127	68.00	68.00	68.00	68.00	68.00	68.00	68.00	68.00	0.9	T
Kênh Phú Đô	32.401	39.20	39.20	39.20	39.20	39.20	39.20	39.20	39.20	0.9	T
Kênh Trung Văn	29.681	61.60	61.60	61.60	61.60	61.60	61.60	61.60	61.60	0.9	T
Cầu Am	17.016	64.00	64.00	64.00	64.00	64.00	64.00	64.00	64.00	0.9	T
Kênh La Khê	15.229	41.20	41.20	41.20	41.20	41.20	41.20	41.20	41.20	0.9	T
Kênh Vân Đình	0.831	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80	0.9	T
Kênh Duy Tiên	21.445	48.40	48.40	48.40	48.40	48.40	48.40	48.40	48.40	0.9	T
Kênh Yên Xá	24.476	43.20	43.20	43.20	43.20	43.20	43.20	43.20	43.20	0.9	T
Sông Tô Lịch	0.559	30.40	30.40	30.40	30.40	30.40	30.40	30.40	30.40	0.9	T
Kênh Hòa Bình	0.780	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	0.9	T

Vị trí	Thực đo	NO ₃ ⁻							B1-QCVN 08-2015	Đánh giá
		Tuần dự báo								
		03/5	04/5	05/5	06/5	07/5	08/5	09/5		
Cống Liên Mạc	2.858	5.23	5.63	5.99	6.33	6.65	6.95	7.23	10	T
Cầu Diễn	2.16	4.57	4.54	4.54	4.54	4.54	4.54	4.54	10	T
Đập Hà Đông	1.373	10.49	10.47	10.47	10.47	10.47	10.47	10.47	10	T
Cầu Tó	1.958	11.34	11.33	11.32	11.32	11.32	11.32	11.32	10	T
Cầu Xém	2.903	11.36	11.36	11.35	11.35	11.36	11.37	11.38	10	T
Đập Đồng Quan	2.385	10.54	9.99	9.30	9.31	9.02	9.01	8.96	10	T
Cầu Thần	3.938	10.21	10.26	11.58	11.72	12.12	12.67	12.86	10	T
Đập Nhật Tựu	2.858	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17	10	T
Cống Lương Cỏ	1.913	5.88	5.88	5.88	5.88	5.88	5.88	5.88	10	T
Cầu Phù Vân	3.218	5.90	5.90	5.90	5.90	5.90	5.90	5.90	10	T
Sông Đăm	3.623	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	10	G
Sông Cầu Ngà	2.813	17.50	17.50	17.50	17.50	17.50	17.50	17.50	10	T
Đập Thanh Liệt	2.408	13.70	13.70	13.70	13.70	13.70	13.70	13.70	10	T
Kênh Xuân La	1.283	54.00	54.00	54.00	54.00	54.00	54.00	54.00	10	T
Kênh Phú Đô	6.053	0.60	0.60	0.60	0.60	0.60	0.60	0.60	10	G
Kênh Trung Văn	3.803	101.00	101.00	101.00	101.00	101.00	101.00	101.00	10	T
Cầu Am	1.688	0.44	0.44	0.44	0.44	0.44	0.44	0.44	10	G
Kênh La Khê	2.408	46.00	46.00	46.00	46.00	46.00	46.00	46.00	10	T
Kênh Vân Đình	1.712	3.10	3.10	3.10	3.10	3.10	3.10	3.10	10	T
Kênh Duy Tiên	2.588	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	10	G
Kênh Yên Xá	9.608	42.00	42.00	42.00	42.00	42.00	42.00	42.00	10	T
Sông Tô Lịch	0.205	8.90	8.90	8.90	8.90	8.90	8.90	8.90	10	T
Kênh Hòa Bình	0.97	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	10	T

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Trong tuần 18 năm 2023 CLN trong HTCTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm do dự báo trên lưu vực không có mưa và mực nước sông Hồng tại đầu cống Liên Mạc giảm ảnh hưởng đến việc lấy nước vào hệ thống.

2. Dự báo chung

Chất lượng nước trong hệ thống CTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm so với tuần trước.

3. Đề xuất

- Cần nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống TB DC Liên Mạc lấy nước từ sông Hồng để cung cấp cho đoạn thượng lưu sông Nhuệ. Những năm từ 2018-2022 cho thấy việc mở cống Liên Mạc 1, 2 hệ thống lấy được rất ít nước vào; thường xuyên xuất hiện tình trạng nước sông Nhuệ chảy ngược ra sông Hồng.

- Do thời gian này bắt đầu vào mùa mưa, hệ thống không lấy nước; trực chính sông Nhuệ chủ yếu nhận nước tiêu từ nội đồng do mưa ra nên cần chú ý vận hành các công trình hợp lý để tránh úng ngập cục bộ khi có mưa lớn.

- Dưới hạ lưu mở cống Tác Giang để tận dụng lấy nước hoặc tiêu nước cho sông Châu; tận dụng triều mở đập Nhật Tựu để lấy nước ngược vào dòng chính sông Nhuệ hoặc tiêu nước ra sông Đáy từ thượng lưu về./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu Phòng TN&TV QL CLN,MT.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI